

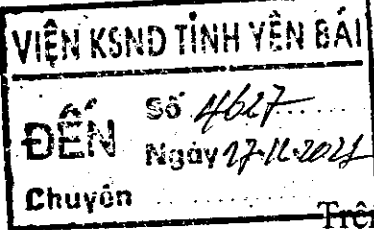
**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5015 /VKSTC-V11

V/v: Giải đáp, hướng dẫn về khó khăn,
vướng mắc trong công tác kiểm sát
thi hành án dân sự, hành chính

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021



Kính gửi: - Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương
- Viện kiểm sát Quân sự Trung ương

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) các địa phương về những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính (THADS, HC); sau khi trao đổi với Tổng cục THADS- Bộ Tư pháp, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học (Vụ 14), Vụ 11 giải đáp, hướng dẫn một số nội dung như sau:

I. Khó khăn, vướng mắc trong kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính

1. Tại khoản 5 Điều 31 Luật THADS quy định: "*Cơ quan THADS từ chối yêu cầu thi hành án (THA) và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu THA*". Tuy nhiên, văn bản từ chối nhận đơn yêu cầu (cùng tài liệu kèm theo) không gửi cho Viện kiểm sát (VKS) để thực hiện kiểm sát việc tiếp nhận và từ chối nhận đơn yêu cầu THA của đương sự để kịp thời có biện pháp yêu cầu hoặc kiến nghị Cơ quan THADS thực hiện đúng quy định của pháp luật

Trả lời: Điều 31 Luật THADS quy định về việc yêu cầu THA, việc tiếp nhận và từ chối yêu cầu THA của cơ quan THADS; không quy định văn bản thông báo từ chối yêu cầu THA của Cơ quan THADS phải gửi cho VKS. Theo quy định tại Điều 38 Luật THADS, Cơ quan THADS chỉ phải gửi *các quyết định về THA* cho VKS cùng cấp. Văn bản thông báo từ chối yêu cầu THA không phải là quyết định về THA, nên Cơ quan THADS không có trách nhiệm phải gửi cho VKS.

Tuy nhiên, việc tiếp nhận và từ chối yêu cầu THA là một trong các hoạt động của Cơ quan THADS, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, VKS phải thực hiện kiểm sát hoạt động này của Cơ quan THADS trên cơ sở thực hiện chức năng kiểm sát THADS. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 6 Điều 28 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và khoản 2 Điều 12 Luật THADS, VKS có quyền yêu cầu Cơ quan THADS cung cấp tài liệu liên quan đến hoạt động tiếp nhận, thụ lý, từ chối đơn yêu cầu THA để kiểm sát. Trong thực tiễn công tác, VKS các cấp cần có sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan THADS trong việc gửi các văn bản liên quan đến công tác THA nói chung, cũng như văn bản về việc từ chối yêu cầu THA nói riêng để VKS tiến hành kiểm sát thường xuyên; trường hợp thật sự cần thiết mới yêu cầu cung cấp bằng văn bản.

2. Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật THADS và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/07/2015 của Chính phủ quy định chi tiết

và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật THADS (Nghị định số 62/2015/NĐ-CP) mâu thuẫn với nhau, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức THA. Trên thực tế nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được THA không làm đơn yêu cầu THA và cũng chưa có quy định bắt buộc các đối tượng trên phải thực hiện trách nhiệm làm đơn yêu cầu THA để thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế.

Trả lời: Điểm c khoản 2 Điều 36 luật THADS quy định Thủ trưởng Cơ quan THADS có thẩm quyền chủ động ra quyết định THA và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành đối với phần bản án, quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản; các khoản thu khác cho Nhà nước.

Hiện tại, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ (Nghị định số 33/2020/NĐ-CP), trong đó đã sửa đổi hướng dẫn việc chủ động ra quyết định THA đối với khoản bồi thường cho Nhà nước, cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng. Theo đó, từ ngày 01/5/2020 trở đi (ngày Nghị định số 33/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), Thủ trưởng Cơ quan THADS phải chủ động ra quyết định THA đối với những khoản bồi thường cho Nhà nước, cơ quan Nhà nước hoặc doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong các vụ án xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng, không phụ thuộc đó là loại tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng như hướng dẫn tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP.

Đối với trường hợp THA theo yêu cầu, trách nhiệm chỉ đạo việc yêu cầu THA khi cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp được THA đối với khoản tiền, tài sản thuộc sở hữu Nhà nước không yêu cầu THA theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP), cụ thể: “*cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; cơ quan đại diện chủ sở hữu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đó có trách nhiệm chỉ đạo việc yêu cầu THA*”.

Như vậy, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (khoản 3 Điều 6 Văn bản hợp nhất số 1357/VBHN-BTP) đã hướng dẫn cụ thể về các khoản thu khác cho Nhà nước được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 36 Luật THADS không có mâu thuẫn như câu hỏi nêu.

3. Về xử lý số tiền thu được từ người phải THA theo Quyết định THA nhưng người được THA có địa chỉ ở nước ngoài, qua nhiều lần thực hiện thông báo bằng ủy thác tư pháp đúng quy định nhưng không có kết quả; Cơ quan THADS đã thực hiện thông báo theo Điều 43 Luật THADS thì số tiền thu được xử lý thế nào (trả lại cho người phải THA vì chưa hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực hay để đến hạn thực hiện sung công theo quy định tại Điều 126 Luật THADS). Sau khi đã có quyết định cưỡng chế, kê biên và đã thực hiện việc cưỡng chế, kê biên nếu không thực hiện được việc thông báo cho người được THA, Chấp hành viên có tiếp tục xử lý tài sản đã kê biên của người phải THA hay giải tòa kê biên trả lại tài sản cho người được THA và đình chỉ theo Điều 50 Luật THADS.

Trả lời:

Trường hợp chỉ có 01 người được THA, Cơ quan THADS đã thu được tiền THA, Chấp hành viên đã thực hiện thông báo hợp lệ về THA cho người được THA có địa chỉ ở nước ngoài (bằng ủy thác tư pháp) theo quy định tại Điều 43 Luật THADS và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP nhưng không có kết quả thì việc xử lý số tiền này được thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 126 Luật THADS và hướng dẫn tại khoản 2, 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP; trong đó, điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 13 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP và khoản 4 Điều 17 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong THADS (Thông tư số 01/2016/TT-BTP), cụ thể là: *Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo mà người được nhận tiền không đến nhận tiền, cơ quan THADS xử lý vụ việc theo quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP; đối với khoản tiền không đủ điều kiện gửi ngân hàng theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP thì cơ quan thi hành án dân sự gửi tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc.*

Trường hợp có nhiều người được THA thì cần áp dụng quy định về thanh toán tiền THA tại Điều 47 Luật THADS, Điều 49 Nghị định 62/2020/NĐ-CP (khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 49 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP).

Khi việc thông báo cho người được THA không thực hiện được thì không có nghĩa là nghĩa vụ THA của người phải THA được chấm dứt, người phải THA vẫn phải THA theo quy định của pháp luật; không có căn cứ để đình chỉ THA theo quy định tại Điều 50 Luật THADS và không có căn cứ để giải tỏa kê biên tài sản theo quy định tại Điều 105 Luật THADS. Chấp hành viên vẫn phải tiếp tục xử lý tài sản đã kê biên của người phải THA theo quy định tại các Điều 98, 99, 101 Luật THADS và xử lý tiền thu được từ việc xử lý tài sản kê biên theo quy định của pháp luật về THADS.

4. Tại điểm d khoản 4 Điều 44 Luật THADS quy định: *“Trường hợp người phải THA là cơ quan, tổ chức thì Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản...”*. Thực tế trong quá trình tổ chức THA, Chấp hành viên gặp khó khăn khi thực hiện; còn nếu thuê cơ quan kiểm toán thì kinh phí rất lớn và không có cơ chế thực hiện hoặc doanh nghiệp phải THA không cung cấp sổ sách quản lý vốn, tài sản cho Chấp hành viên nhưng chưa có biện pháp chế tài đối với hành vi không cung cấp tài liệu.

Trả lời: Theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 44 Luật THADS thì: *“Trường hợp người phải THA là cơ quan, tổ chức thì Chấp hành viên trực tiếp xem xét tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản; xác minh tại cơ quan, tổ chức khác có liên quan đang quản lý, bảo quản, lưu giữ thông tin về tài sản, tài khoản của người phải THA”*. Do vậy, khi tiến hành xác minh điều kiện THA của người phải THA là cơ quan, tổ chức, Chấp hành viên yêu cầu người phải THA cho xem xét trực tiếp tài sản hoặc yêu cầu cung cấp sổ sách quản lý vốn, tài sản để trực tiếp kiểm tra, xem xét; cần có

văn bản yêu cầu hoặc tiến hành xác minh tại các cơ quan, tổ chức có liên quan như: xác minh tại Sở Kế hoạch - Đầu tư để biết được hoạt động của doanh nghiệp; xác minh tại Cơ quan Thuế để biết được việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, báo cáo tài chính của doanh nghiệp; xác minh tài khoản của cơ quan, tổ chức mở tại Ngân hàng...

Trường hợp cơ quan, tổ chức phải THA không cung cấp tài sản, sổ sách quản lý vốn, tài sản theo yêu cầu của Chấp hành viên được xác định là hành vi vi phạm hành chính trong THADS theo quy định tại khoản 6 Điều 162 Luật THADS. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 163 Luật THADS; hình thức, mức xử phạt vi phạm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực THADS.

Trường hợp cần phải thuê chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh (quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 44 Luật THADS) thì chi phí thuê chuyên gia để xác minh điều kiện THA do ngân sách chi trả, được thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 12 Thông tư 200/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý tài chính về kinh phí cưỡng chế thi hành án dân sự và việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Cơ quan THADS (Thông tư số 200/2016/TT-BTC).

5. Trong trường hợp tài sản thế chấp đã được bản án, quyết định của Tòa án tuyên xử lý để đảm bảo việc THA, nhưng người thứ ba khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu tài sản đó đã được Tòa án thụ lý thì có được hoãn THA theo Điều 48 Luật THADS không?

Trả lời: Về nguyên tắc, khi có khởi kiện tranh chấp về quyền sở hữu đối với tài sản để THA và đã được Tòa án thụ lý thì Cơ quan THADS phải ra Quyết định hoãn THA theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Luật THADS.

Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp Tòa án thụ lý tranh chấp liên quan đến tài sản kê biên, Cơ quan THADS đều phải ra Quyết định hoãn THA theo điểm d khoản 1 Điều 48 Luật THADS. Theo quy định, bản án, quyết định của Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án đang có hiệu lực pháp luật, không bị hủy bởi bản án, quyết định khác của Tòa án hoặc không bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải được tổ chức thi hành, không có căn cứ hoãn thi hành án theo Điều 48 Luật THADS. Liên quan đến việc hoãn THA theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 Luật THADS, VKSND tối cao đã trao đổi, thống nhất với Bộ Tư pháp tại Công văn số 462/VKS-V11 ngày 31/01/2019, theo đó đã thống nhất hướng dẫn tại mục 1.2 phần 1 như sau: “*Không hoãn THA đối với trường hợp những tranh chấp không có liên quan đến quyền sở hữu đối với tài sản THA như tranh chấp tiền thuê tài sản, tiền công bảo quản, tu bổ tài sản...*”.

6. Khoản 3 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp người được THA là doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế*

xã hội thì việc chi trả tiền THA thực hiện bằng chuyển khoản". Thực tiễn thực hiện có vướng mắc vì không quy định rõ trường hợp chuyển khoản từ tài khoản tiền gửi tiết kiệm ở ngân hàng sang tài khoản của đương sự (những việc chưa giao được tài sản phải gửi tiết kiệm ngân hàng, Cơ quan THADS phải làm thủ tục rút tiền về gửi vào tài khoản tạm giữ sau đó mới chuyển vào tài khoản cho đương sự).

Trả lời: Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, trường hợp người được THA là doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế xã hội thì việc chi trả tiền THA thực hiện bằng hình thức chuyển khoản; ngoại trừ trường hợp tiền THA thu được nhưng chưa kịp gửi vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn quy định thì có thể chi trả bằng tiền mặt cho người đại diện hợp pháp của người được THA cử đến nhận.

Theo quy định trên, nếu tại thời điểm chi trả tiền THA mà số tiền đó đang gửi trong tài khoản tạm giữ của Cơ quan THADS tại Kho bạc Nhà nước thì phải "*thực hiện bằng hình thức chuyển khoản*" từ tài khoản tạm giữ.

Trường hợp số tiền THA là do việc chưa giao được tài sản, đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng bằng hình thức Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng theo quy định khoản 4 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 thì không thực hiện được giao dịch chuyển khoản thẳng từ Sổ tiết kiệm tại Ngân hàng sang tài khoản của người được THA. Theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong THADS và phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ THADS, Cơ quan THADS phải làm thủ tục rút tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng để gửi vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, sau đó mới chuyển tiền vào tài khoản cho đương sự.

7. Khoản 2 Điều 57 Luật THADS quy định Cơ quan THADS nhận ủy thác không được trả lại quyết định ủy thác cho Cơ quan THADS đã ủy thác... Hiện nay, có nhiều hồ sơ ủy thác không thi hành được vì trong quá trình giải quyết, xác minh thì người phải THA thường không phải là công dân tại địa phương, không làm thủ tục đăng ký tạm trú tại địa phương như trong địa chỉ tại Bản án, Quyết định của Tòa án.

Trả lời: Việc thực hiện ủy thác THA được quy định tại Điều 57 Luật THADS và Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP). Trường hợp trong quá trình giải quyết, xác minh xác định người phải THA không phải là công dân tại địa phương, không làm thủ tục đăng ký tạm trú tại địa phương như trong địa chỉ tại Bản án, Quyết định của Tòa án thì Cơ quan THADS nhận ủy thác sau khi xử lý theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP, đồng thời phải có công văn thông báo và đề nghị Cơ quan THADS nơi ủy thác THA có kiến nghị đến TAND đã ban hành bản án, quyết định để tiếp tục phối hợp, xác minh nhằm đảm bảo việc THA trên thực tế.

8. Theo quy định tại Điều 61 Luật THADS về điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước và Điều 2 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP- BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 thì lãi chậm THA đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước thuộc diện được xét miễn, giảm THA. Tuy nhiên, nếu tính lãi chậm THA gộp với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước thì sau thời gian 5 năm hay 10 năm, số tiền này sẽ không đáp ứng được điều kiện được xét miễn, giảm. Vậy, trong trường hợp này, khoản nộp ngân sách nhà nước và lãi chậm THA được tách ra hay gộp chung để xét miễn, giảm THA cho đương sự.

Trả lời: Về điều kiện miễn, giảm nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 61 Luật THADS và Điều 2 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP- BTC-TANDTC-VKSTC ngày 15/9/2015 (Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT) đã được VKSND tối cao hướng dẫn, giải đáp tại Văn bản số 1350/VKSTC-V11 ngày 15/4/2016. Theo đó, khoản thu, nộp ngân sách Nhà nước để được xét miễn, giảm là tổng giá trị tất cả các khoản phải thu nộp cho ngân sách Nhà nước mà người phải THA phải thi hành (bao gồm các khoản tiền phạt, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí, lệ phí Tòa án, tịch thu sung công quỹ Nhà nước; các khoản thu nộp khác cho ngân sách Nhà nước được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; lãi chậm THA đối với khoản được miễn, giảm - nếu có) tính đến kỳ xét miễn, giảm để xác định có đủ điều kiện miễn, giảm theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT.

9. Khi Cơ quan THADS thấy đủ điều kiện về thời hạn và số tiền để xét miễn nghĩa vụ THA theo quy định của pháp luật, tiến hành xác minh điều kiện THA của người phải THA để xem xét lập hồ sơ đề nghị xét miễn nghĩa vụ THA. Tuy nhiên, sau khi tiến hành xác minh điều kiện THA tại gia đình đương sự và chính quyền địa phương thì đương sự không có mặt tại gia đình, nơi cư trú và đã chuyển đi đâu chính quyền địa phương không rõ; không cắt hộ khẩu, không báo cho chính quyền địa phương biết; chính quyền địa phương có xác nhận tại địa phương đương sự không có tài sản gì. Luật THADS và Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT chưa có quy định cụ thể về trường hợp trên có được xét miễn nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước hay không?

Trả lời: Theo các điều kiện để được miễn nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách Nhà nước quy định tại khoản 1, 2 Điều 61 Luật THADS thì một điều kiện bắt buộc là không có tài sản để THA hoặc không có thu nhập hoặc thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho người phải THA. Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT thì đối với các trường hợp được đưa ra xét miễn, giảm nghĩa vụ THA đối với các khoản thu, nộp ngân sách Nhà nước, Chấp hành viên phải tiến hành xác minh điều kiện THA theo quy định tại Điều 44 Luật THADS.

Đối với người phải THA có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng, nhưng tại thời điểm Chấp hành viên tiến hành xác minh điều kiện THA, đương sự không có mặt tại gia đình, nơi cư trú, đi đâu không rõ, không báo cho chính quyền địa phương, không cắt hộ khẩu; chính quyền địa phương có xác nhận tại địa phương đương sự không có tài sản gì là cơ sở để xem xét ra quyết định chưa có điều kiện thi hành theo quy định tại Điều 44a Luật THADS. Trường hợp Cơ quan THADS đã ra Quyết định chưa

có điều kiện thi hành, đủ điều kiện về thời hạn và mức tiền quy định tại Điều 61 Luật THADS và đủ điều kiện theo hướng dẫn tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 12/2015/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 15/9/2015 thì có cơ sở để lập hồ sơ xét miễn nghĩa vụ THA đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

10. Trong quá trình tổ chức THA, Chấp hành viên áp dụng Điều 69 Luật THADS ban hành Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với tài sản là nhà, đất đang ở duy nhất của người phải THA, có giá trị lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ THA... Chấp hành viên có được áp dụng khoản 4 Điều 69 Luật THADS để kê biên, cưỡng chế xử lý tài sản không?

Trả lời: Tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP) quy định: “...Việc áp dụng biện pháp bảo đảm, cưỡng chế THA phải tương ứng với nghĩa vụ của người phải THA và các chi phí THA theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp tài sản duy nhất của người phải THA lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ THA mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản; tài sản bảo đảm đã được bán án, quyết định tuyên xử lý để THA hoặc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định này”.

Do vậy, trong trường hợp Chấp hành viên đã xác minh, xác định người phải THA chỉ có tài sản duy nhất có giá trị lớn hơn nhiều lần so với nghĩa vụ THA mà tài sản đó không thể phân chia được hoặc việc phân chia làm giảm đáng kể giá trị của tài sản và quá trình tổ chức THA, Chấp hành viên đã ban hành Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với tài sản của người phải THA và thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 69 Luật THADS thì Chấp hành viên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 69 Luật THADS để ra Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Chương IV Luật THADS.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với những trường hợp này gặp rất nhiều khó khăn và không khả thi vì tài sản bị cưỡng chế thường là nơi ở duy nhất của người phải THA, thậm chí có việc chi phí cưỡng chế và xử lý tài sản còn lớn hơn nhiều nghĩa vụ phải THA. Vì vậy, tùy từng trường hợp cụ thể, VKS phối hợp với Cơ quan THADS báo cáo Ban chỉ đạo THADS ở địa phương để tổ chức họp liên ngành, thống nhất biện pháp giải quyết phù hợp; trường hợp cần thiết thì báo cáo liên ngành Trung ương để thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện theo quy định của pháp luật.

11. Điều 81 Luật THADS quy định Chấp hành viên ra quyết định thu khoản tiền do người thứ ba đang giữ của người phải THA, nhưng nhiều trường hợp người thứ ba không thực hiện giao nộp tiền và pháp luật cũng chỉ quy định người thứ ba có nghĩa vụ giao nộp tiền nên không có chế tài xử lý khi người thứ ba không giao nộp tiền.

Trả lời: Theo quy định tại Điều 81 Luật THADS, nếu phát hiện người thứ ba đang giữ tiền của người phải THA thì Chấp hành viên ra quyết định thu khoản tiền đó để THA và người thứ ba đang giữ tiền của người phải THA có nghĩa vụ giao nộp

tiền cho Chấp hành viên để THA. Chế tài áp dụng đối với trường hợp người thứ ba đang giữ tiền của người phải THA nhưng không thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên về việc giao nộp khoản tiền đó được quy định tại Điều 23 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP (bị áp dụng các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế để thi hành án hoặc phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật...).

12. Theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật THADS và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP quy định trường hợp đương sự tự nguyện giao nhà ở là tài sản duy nhất, nhưng số tiền thu được không đủ để thanh toán các nghĩa vụ THA mà người phải THA không còn đủ tiền để thuê nhà ở hoặc tạo lập nơi ở mới thì Chấp hành viên thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật THADS. Tuy nhiên, pháp luật chưa quy định rõ việc có trích tiền thuê nhà cho người thứ ba hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã dùng nhà ở duy nhất của mình để đảm bảo cho người phải THA vay tài sản đã được Tòa án tuyên trong bản án, quyết định.

Trả lời: Vấn đề câu hỏi nêu đã được VKSND tối cao và Tổng cục THADS-Bộ Tư pháp thống nhất hướng dẫn tại điểm 12 mục 12.2 Công văn số 1103/TCTHADS-NV1 ngày 30/03/2017 của Tổng cục THADS Bộ Tư pháp: “*Trường hợp xử lý tài sản là nhà ở duy nhất để THA, kể cả trường hợp tài sản là quyền sở hữu, sử dụng của bên thứ ba bảo lãnh cho người phải THA mà sau khi thanh toán họ không còn đủ tiền để thuê nhà hoặc tạo lập nơi ở mới thì trước khi làm thủ tục chi trả cho người được THA, Chấp hành viên có thể áp dụng quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật THADS để trích lại từ số tiền bán tài sản một khoản tiền phù hợp với giá thuê nhà trung bình tại địa phương trong thời hạn 01 năm để họ tạo lập nơi ở mới.*”

13. Thực tế tại địa phương, khi cưỡng chế trả nhà, giao nhà thì ngoài các tài sản cố định còn có vật nuôi như chó, mèo, lợn v.v..., thậm chí một số đương sự còn nuôi một số động vật hoang dã. Pháp luật về THADS chỉ mới quy định về việc xử lý tài sản theo Điều 126 Luật THADS, chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp nói trên. Việc xử lý vật nuôi gặp nhiều vướng mắc trong thực tiễn như tổ chức, cá nhân nào có điều kiện trông giữ, bảo quản vật nuôi (trong trường hợp trên địa bàn không có trung tâm cứu hộ động vật); chi phí trông giữ bao nhiêu là hợp lý; động vật hoang dã có giấy phép nuôi dưỡng thì xử lý ra sao, không có giấy phép thì xử lý như thế nào. Đối với các trường hợp thuộc khoản 3 Điều 115 Luật THADS, hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo mà người có vật nuôi không đến nhận thì việc xử lý theo khoản 2 Điều 126 Luật THADS gặp nhiều khó khăn do vật nuôi là động vật hoang dã thì không thuộc đối tượng được bán đấu giá.

Trả lời: Đây là nội dung khó khăn, vướng mắc chung trong thực tiễn công tác THADS hiện nay. Pháp luật về THADS hiện hành chỉ có những quy định chung về bảo quản, xử lý tài sản THA là tiền, bất động sản (nhà ở, công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất...) và mới chỉ có quy định về việc Chấp hành viên xác định giá trong trường hợp “*Tài sản kê biên thuộc loại tươi sống, mau hỏng...*” tại điểm b khoản 3 Điều 98 Luật THADS. Tuy nhiên, pháp luật về THADS chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc bảo quản, xử lý đối với tài sản là vật nuôi (chó, mèo, trâu, bò...). VKSND tối cao (Vụ 11) sẽ tổng hợp để phối hợp với liên ngành Trung ương

trong việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật THADS và văn bản hướng dẫn thi hành luật trong thời gian tới.

Pháp luật về THADS không quy định việc bảo quản, xử lý đối với động vật hoang dã. Quá trình tổ chức THADS, nếu phát hiện đương sự có nuôi động vật hoang dã (kể cả có phép hay không có phép) thì Cơ quan THADS phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý theo quy định tại Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước.

14. Thực tế có những việc THA "Trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự" theo quy định tại Điều 126 Luật THADS bị kéo dài, lý do tiền, tài sản tạm giữ trả lại cho đương sự có giá trị nhỏ, người được nhận tiền, tài sản không đến nhận vì nhiều lý do hoặc đương sự là người nước ngoài thi hành xong án phạt tù về nước và không nhận thông báo nhận tài sản theo quyết định của bản án, gây tổn động số việc phải thi hành.

Trả lời: Trường hợp sau khi có Quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự, Chấp hành viên đã thực hiện việc thông báo cho đương sự theo quy định nhưng người được nhận tiền, tài sản không đến nhận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 126 Luật THADS. Theo đó, Chấp hành viên gửi tiền vào ngân hàng theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn; đối với tài sản thì Chấp hành viên xử lý theo quy định tại các Điều 98, 99 và 101 Luật THADS và gửi số tiền thu được theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn. Đối với khoản tiền không đủ điều kiện gửi ngân hàng theo quy định thì gửi tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 17 Thông tư số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp.

Hết thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà đương sự vẫn không đến nhận số tiền đã gửi tiết kiệm tại Ngân hàng hoặc gửi tại Kho bạc mà không có lý do chính đáng thì Cơ quan THADS làm thủ tục sung quỹ Nhà nước và vụ việc THA đó mới được kết thúc.

Trong thực tế, việc trả lại tiền, tài sản tạm giữ cho đương sự có những trường hợp số tiền không lớn, tài sản có giá trị nhỏ, người được nhận tiền, tài sản không đến nhận theo thông báo của Chấp hành viên hoặc trường hợp đương sự là người nước ngoài thi hành xong án phạt tù về nước nên không nhận được thông báo nhận tiền, tài sản; nếu thực hiện đúng quy định nêu trên thì vụ việc THA sẽ bị kéo dài. Để giảm tải tổn động những vụ việc THA này, Viện kiểm sát các cấp cần phối hợp với Cơ quan THADS tiến hành rà soát, tổng hợp, báo cáo, đề xuất với Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp để tổ chức họp liên ngành Trung ương thống nhất hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết phù hợp.

15. Khoản 2 Điều 126 Luật THADS quy định: "*...Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà đương sự không đến nhận tiền thì Chấp hành viên gửi số tiền đó theo hình thức tiết kiệm không kỳ hạn và thông báo cho đương sự*"; trên địa bàn một số đơn vị cấp huyện của tỉnh chỉ có Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và

phát triển nông thôn, Cơ quan THADS chỉ có thể gửi tiền của các đối tượng không đến nhận tại hệ thống Ngân hàng này, nhưng phía Ngân hàng không cho Cơ quan THADS gửi tiết kiệm với hình thức không kỳ hạn nên phải gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng. Trường hợp này nên xử lý như thế nào?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 17 Thông tư số 48/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tiền gửi tiết kiệm, việc rút trước hạn tiền gửi tiết kiệm được thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và người gửi tiền khi gửi tiền. Do vậy, trường hợp tại các địa phương chỉ có duy nhất Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn với quy định không có hình thức gửi tiết kiệm không kỳ hạn như nêu trong câu hỏi, thì thực hiện gửi tiền theo hình thức gửi tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng, Cơ quan THADS cần trao đổi với Ngân hàng nhận gửi tiền về bản chất của số tiền gửi và thống nhất về việc rút tiền trước hạn để đảm bảo việc trả tiền cho đương sự trong trường hợp đương sự đến nhận tiền khi chưa đến hạn rút tiền gửi.

16. Đề nghị hướng dẫn cụ thể việc đăng thông báo bán đấu giá tài sản thi hành án theo khoản 1 Điều 57 Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Trả lời: Việc đăng thông báo bán đấu giá tài sản THA đã được quy định rõ tại khoản 1 Điều 57 Luật đấu giá tài sản năm 2016. Khi kiểm sát việc đăng thông báo bán đấu giá tài sản thi hành án cần chú ý một số nội dung sau:

- Có thể đăng thông báo bán đấu giá tài sản THA trên báo in hoặc báo hình, của Trung ương hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản đấu giá và phải thông báo trên trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản.

+ Báo in: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Báo chí năm 2016 thì “*Báo in là loại hình báo chí sử dụng chữ viết, tranh, ảnh thực hiện bằng phương tiện in để phát hành đến bạn đọc, gồm báo in, tạp chí in*”. Do đó, việc đăng thông báo bán đấu giá tài sản THA trên báo in của Trung ương hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đăng thông báo trên các báo in được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép xuất bản và lưu hành. Ví dụ: Nếu tài sản bán đấu giá nằm trên địa bàn của tỉnh A thì việc thông báo bán đấu giá tài sản được thông báo trên các báo in của Trung ương (gồm báo của Cơ quan Đảng, các cơ quan Trung ương) có phát hành tại tỉnh A hoặc trên báo in của Đảng bộ, chính quyền tỉnh A.

+ Báo hình: Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Báo chí năm 2016 thì “*Báo hình là loại hình báo chí sử dụng hình ảnh là chủ yếu, kết hợp tiếng nói, âm thanh, chữ viết, được truyền dẫn, phát sóng trên các hạ tầng kỹ thuật ứng dụng khác nhau*”. Do đó, việc đăng thông báo đấu giá tài sản trên báo hình của Trung ương hoặc của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là đăng thông báo trên các kênh truyền hình của các Đài truyền hình Trung ương có phát sóng tại địa phương nơi có tài sản bán đấu giá hoặc trên các kênh truyền hình của Đài truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có tài sản. Ví dụ: Nếu tài sản nằm trên địa bàn của tỉnh A thì việc thông báo bán đấu giá tài sản được thông báo trên các kênh truyền hình của các Đài Truyền hình Trung ương (VTV, VTC, ANTV...) có phát sóng tại tỉnh A hoặc trên các kênh truyền hình của Đài Truyền hình tỉnh A.

+ Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản: Là Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản thuộc Bộ Tư pháp quản lý. Việc đăng thông báo trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại các văn bản sau: Công văn số 1032/BTP-BTTP ngày 23/3/2020 v/v triển khai chính thức Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản; Công văn số 957/BTP-BTTP ngày 17/3/2020 về việc triển khai phần mềm quản lý thông tin đấu giá tài sản; Công văn số 1566/BTP-BTTP ngày 29/4/2020 v/v thi hành Luật Đấu giá tài sản (Kể từ ngày 01/9/2020 các hành vi vi phạm liên quan đến việc đăng thông báo công khai đấu giá trên Cổng thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật); Quyết định số 1079/QĐ-TCTHADS ngày 25/12/2020 v/v ban hành Quy trình lựa chọn tổ chức thẩm định giá, đấu giá tài sản để thi hành.

- Việc đăng thông báo bán đấu giá tài sản THA phải công khai và đảm bảo ít nhất hai lần; mỗi lần phải cách nhau ít nhất 02 ngày làm việc.

17. Qua trực tiếp kiểm sát tại Cơ quan THADS phát hiện một số hồ sơ bán đấu giá tài sản nhiều lần không thành và Cơ quan THADS đã thanh toán tổng chi phí các lần bán đấu giá không thành nhiều lần lớn hơn số tiền thù lao dịch vụ đấu giá thành. VKSND đã kiến nghị đến Cơ quan THADS và Trung tâm bán đấu giá tài sản nhưng Cơ quan THADS cho rằng việc tính chi phí tiền thù lao dịch vụ đấu giá không thành phải được tính riêng lẻ từng lần không tính tổng tất cả những lần đấu giá không thành để đối chiếu với số tiền thanh toán của lần đấu giá thành như quan điểm của VKSND.

Trả lời: Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của Luật đấu giá tài sản (Thông tư số 108/2020/TT-BTC): *“Trường hợp đấu giá tài sản không thành thì người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức đấu giá tài sản các chi phí đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đấu giá tài sản đã được hai bên thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản”*.

Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 108/2020/TT-BTC quy định: *“Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá thanh toán cho tổ chức đấu giá thù lao dịch vụ đấu giá tài sản, các chi phí đấu giá quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật Đấu giá tài sản; trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Theo các quy định trên thì Cơ quan THADS phải thanh toán chi phí tiền thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo hợp đồng của từng lần tổ chức đấu giá; mỗi lần đấu giá không thành, Cơ quan THADS phải thanh toán chi phí dịch vụ đấu giá theo hợp đồng đã ký và khi giảm giá, đưa ra đấu giá tiếp thì phải ký thêm Phụ lục hợp đồng đấu giá tài sản (Phụ lục hợp đồng trong trường hợp này được coi như ký kết hợp đồng mới). Do vậy, Cơ quan THADS thanh toán chi phí tiền thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo từng lần tổ chức đấu giá là có căn cứ, mặc dù tổng chi phí các lần bán đấu giá không thành lớn hơn số tiền thù lao dịch vụ đấu giá thành.

18. Trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng biện pháp phong tỏa, kê biên tài sản để đảm bảo THA. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức THA gặp nhiều khó khăn, vướng mắc khi xác định quyền sở hữu tài sản, giám định, xác định giá trị, phân chia tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng.

Trả lời: Kỹ năng kiểm sát THADS về thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế thực hiện theo Hướng dẫn số 26/HD-VKSTC ngày 07/6/2021 của VKSND tối cao; trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Phạm vi THA về thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng, kinh tế là thi hành phần bản án, quyết định hình sự có liên quan đến tài sản, bao gồm phần tài sản được thu hồi cho Nhà nước (các loại tài sản để sung công quỹ) và tài sản được “trao trả” cho cơ quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại, tương ứng với 02 loại việc thi hành án chủ động và thi hành án theo đơn yêu cầu.

- Việc thỏa thuận THA; thỏa thuận chọn tổ chức thẩm định giá, bán đấu giá; yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 74, 75 và Điều 98 Luật THADS liên quan đến tài sản để THA trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế được thực hiện đối với việc THA theo đơn yêu cầu hoặc đối với việc THA chủ động nhưng Tòa án tuyên tiếp tục duy trì Lệnh kê biên, phong tỏa tài khoản... để đảm bảo THA của bị cáo. Đối với tài sản đã được Tòa án tuyên “*tích thu sung vào ngân sách nhà nước*” (thường liên quan đến tội phạm về tham nhũng và đã có Lệnh kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản... từ giai đoạn tố tụng) thì không được áp dụng các quy định trên, vì đây là việc THA chủ động và quyền về tài sản của chủ sở hữu, người đang quản lý, sử dụng tài sản (bị án - người phải THA; vợ/chồng bị án; các đồng sở hữu tài sản khác) đã không còn khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Để tránh trường hợp tình trạng tài sản trên thực tế có sự khác nhau hoặc chênh lệch với tài sản đã được bản án, quyết định của Tòa án tuyên kê biên đảm bảo THA (thường là đất đai, nhà cửa), dẫn đến vướng mắc trong việc kê biên, giám định, định giá, bán đấu giá thì ngoài việc yêu cầu cung cấp, thu giữ giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu, sử dụng; xác minh tại cơ quan quản lý có thẩm quyền; Chấp hành viên cần phải tiến hành xác minh thực tế hiện trạng tài sản đã kê biên. Trường hợp kết quả xác minh cho thấy tình trạng tài sản thực tế khác với tình trạng tài sản như nội dung bản án đã tuyên và Lệnh kê biên tài sản (do cơ quan tiến hành tố tụng ban hành và Tòa án tuyên tiếp tục duy trì hoặc Tòa án áp dụng Lệnh kê biên) thì Cơ quan THADS phải yêu cầu Tòa án sửa chữa, bổ sung bản án theo quy định tại Điều 261 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 hoặc yêu cầu Tòa án có văn bản giải thích những nội dung mà bản án tuyên chưa rõ theo điểm d khoản 1 Điều 23 Luật THADS. Văn bản đính chính, giải thích... của Tòa án là cơ sở để Cơ quan THADS tiếp tục thủ tục thẩm định giá, xử lý tài sản để THA.

19. Cơ quan THADS gặp khó khăn, vướng mắc trong việc tiếp nhận và bảo quản vật chứng là gỗ trong các vụ án “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Trên thực tế, vật chứng là gỗ bị các bị can khai thác, cắt xẻ ở trong rừng nhưng chưa thu hồi để đưa về kho vật chứng của Cơ quan điều tra và chỉ bảo vệ

nguyên trạng tại hiện trường. Trong quá trình tổ chức THA, Cơ quan THADS không đồng ý tiếp nhận vật chứng tại hiện trường.

Trả lời: Việc bảo quản vật chứng được thu giữ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định tại Điều 90 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong đó việc bảo quản đối với trường hợp vật chứng không thể đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để bảo quản được quy định tại điểm c khoản 1 của Điều 90.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật THADS, thì: “*Địa điểm giao, nhận vật chứng được tiến hành tại kho của Cơ quan THADS, bên giao có trách nhiệm vận chuyển vật chứng đến kho của Cơ quan THADS. Đối với vật chứng, tài sản tạm giữ không thể vận chuyển, di dời về bảo quản tại kho của Cơ quan THADS thì địa điểm giao, nhận vật chứng, tài sản tạm giữ là nơi đang gửi giữ, hoặc nơi đang có tài sản*”.

Căn cứ các quy định nêu trên, trong giai đoạn THA, nếu vật chứng là gỗ bị các bị can khai thác, cắt xẻ ở trong rừng và vẫn để nguyên trạng tại hiện trường (như nêu trong câu hỏi), mà số gỗ đó có thể vận chuyển được thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm vận chuyển đến kho của Cơ quan THADS có thẩm quyền để tiến hành giao, nhận. Trường hợp không thể vận chuyển được (gỗ có kích thước, đường kính lớn, nằm tại khe, vực sâu, rải rác trong rừng đặc dụng, không thể di chuyển nếu không cắt, xẻ nhỏ...) thì sẽ tiến hành giao cho Cơ quan THADS tại địa điểm Cơ quan điều tra đang gửi, giao bảo quản số gỗ đó. Trong trường hợp không thể vận chuyển được mà Cơ quan THADS không đồng ý tiếp nhận vật chứng tại hiện trường để xử lý thì xác định Chấp hành viên, Cơ quan THADS có vi phạm; VKS cần kiến nghị đề Cơ quan THADS tiếp nhận vật chứng theo quy định.

Tuy nhiên, đối với từng trường hợp cụ thể, cần làm rõ lý do, vướng mắc để liên ngành địa phương thông nhất tháo gỡ, giải quyết; cần thiết báo cáo, xin ý kiến Ban chỉ đạo THA.

20. Tại TP Hồ Chí Minh còn nhiều bản án, quyết định về vụ án hành chính, Tòa án đã có quyết định buộc THA nhưng có khó khăn trong quá trình tổ chức THA dẫn đến khiếu kiện kéo dài; VKS đã kiến nghị nhiều lần cũng chưa giải quyết dứt điểm được.

Trả lời: Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ “*quy định thời hạn, trình tự, thủ tục thi hành án hành chính và xử lý trách nhiệm đối với người không thi hành bản án, quyết định của tòa án*” (Nghị định số 71/2016/NĐ-CP) đã quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, cơ quan phải thi hành án hành chính, thời hạn thông báo kết quả thi hành án cho Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan THADS; trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc thi hành án của cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan, cá nhân phải thi hành án... Bên cạnh đó, Nghị định số 71/2016/NĐ-CP cũng có những quy định để xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc để chậm trễ thi hành án.

Với chức năng kiểm sát thi hành án hành chính theo quy định tại Điều 315 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, VKSND địa phương cần chủ động thực hiện kiểm sát việc giao nhận bản án, quyết định về vụ án hành chính và việc ra quyết định buộc thi hành án hành chính, chuyển giao quyết định buộc thi hành án hành

chính của Tòa án, kiểm sát công tác theo dõi thi hành án hành chính của Cơ quan THADS; kiểm sát việc chấp hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính của cơ quan, tổ chức, cá nhân;.... Chú trọng phát hiện vi phạm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án hành chính, tìm ra nguyên nhân, vướng mắc dẫn đến việc chậm trễ thi hành án để kịp thời kiến nghị khắc phục vi phạm. Trường hợp phát hiện vi phạm đến mức cần phải truy cứu, xử lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì đối chiếu quy định tại Chương III của Nghị định số 71/2016/NĐ-CP về “*xử lý trách nhiệm trong thi hành án hành chính*” để chủ động kiến nghị cho phù hợp.

VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tổng hợp các vụ việc thi hành án hành chính mà người phải thi hành án là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đã có quyết định buộc thi hành án của Tòa án và Viện kiểm sát đã kiến nghị nhưng vẫn chậm thi hành án để báo cáo VKSND tối cao (Vụ 11) xem xét tổng hợp kiến nghị chung.

II. Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Quy định về quy trình, kỹ năng trực tiếp kiểm sát tại Cơ quan Thi hành án dân sự và kiểm sát việc giải quyết, khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự, hành chính (ban hành theo Quyết định số 94/QĐ-VKSTC ngày 22/3/2021 của Viện trưởng VKSND tối cao, gọi tắt là Quy định số 94)

1. Hiện tại nhiều địa phương đã thực hiện việc sáp nhập Phòng Kiểm sát THADS (Phòng 11) với Phòng Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự với tên gọi mới là Phòng Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án (Phòng 8). Việc sáp nhập phòng dẫn đến khối lượng công việc rất nhiều nên tại Điều 5 Quy định số 94 quy định Trưởng phòng ở VKSND cấp tỉnh làm Trưởng đoàn khi tiến hành trực tiếp kiểm sát (TTKS) tại Cơ quan THADS cấp dưới là không phù hợp.

Trả lời: Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Quy định số 94, Trưởng phòng ở VKSND cấp tỉnh có thể làm Trưởng đoàn TTKS tại Cơ quan THADS cấp dưới là phù hợp với quy định về thẩm quyền và nhiệm vụ của Trưởng phòng. Trường hợp xét thấy thực tế tại thời điểm ra Quyết định TTKS, Trưởng phòng không thể tham gia làm Trưởng đoàn TTKS thì báo cáo lãnh đạo Viện giao cho Phó Trưởng phòng làm Trưởng đoàn. Trong quá trình tiến hành TTKS, Trưởng phòng với tư cách là Trưởng đoàn TTKS có thể xem xét, phân bổ công việc cho các thành viên trong Đoàn một cách hợp lý và giao trách nhiệm cho Phó Trưởng đoàn điều hành công việc của Đoàn trong thời gian Trưởng đoàn vắng mặt, nhưng Trưởng đoàn vẫn cần phải bố trí, sắp xếp thời gian để thực hiện một số công việc của Đoàn như: Chủ trì công bố Quyết định TTKS, cho đường lối xử lý một số vấn đề quan trọng, phức tạp phát sinh trong quá trình TTKS, duyệt dự thảo Kết luận TTKS, chủ trì công bố Kết luận TTKS... và chịu trách nhiệm về chất lượng cuộc TTKS.

2. Tại Điều 5 Quy định số 94 quy định hình thức, nội dung của Quyết định và Kế hoạch TTKS theo mẫu số 02 do VKSND tối cao ban hành, tại Điều 2 của Quyết định TTKS hiện không quy định cụ thể thành viên trong Đoàn TTKS; có

ghi thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) cùng cấp tham gia vào thành phần Đoàn TTKS không; đề nghị hướng dẫn việc ghi thành viên UBMTTQVN tham gia trong Quyết định TTKS.

Trả lời: Theo quy định tại Điều 12 Luật THADS năm 2014, UBMTTQVN có chức năng giám sát hoạt động của Cơ quan THADS. Trước khi ban hành Quyết định TTKS, VKSND có văn bản gửi UBMTTQVN cùng cấp đề nghị cử người tham gia Đoàn TTKS để thực hiện việc giám sát. Sau khi nhận được thông báo của UBMTTQVN về việc cử người tham gia, trong Quyết định TTKS không ghi tên cụ thể của thành viên UBMTTQVN mà ghi ở phía dưới các thành viên Đoàn TTKS nội dung: “VKSND ... mời 01 thành viên UBMTTQVN... tham gia đoàn”.

3. Theo Điều 6 Quy định số 94, Quyết định và Kế hoạch TTKS phải được gửi cho Ban pháp chế Hội đồng nhân dân (HĐND) cùng cấp để thực hiện việc giám sát trong trường hợp Ban pháp chế HĐND tiến hành việc giám sát. Tuy nhiên, chưa quy định việc gửi Quyết định và Kế hoạch TTKS cho UBMTTQVN cùng cấp phối hợp tham gia.

Trả lời: Khi UBMTTQVN cử người tham gia Đoàn TTKS để thực hiện chức năng giám sát, đã được ghi trong Quyết định TTKS, đương nhiên được nhận Quyết định và Kế hoạch TTKS.

4. Hiện nay, biên chế của UBMTTQVN có hạn, thời gian tham gia không liên tục để giám sát xuyên suốt quá trình TTKS. Điều 32 Quy chế công tác kiểm sát THADS, THAHC ban hành theo Quyết định số 810/QĐ-VKSTC (Quy chế số 810) không có quy định UBMTTQVN tham gia, vậy thực hiện theo quy định nào? Đề nghị hướng dẫn mỗi cấp kiểm sát có phải xây dựng Quy chế phối hợp với UBMTTQVN cùng cấp để làm cơ sở phối hợp giữa 02 ngành khi TTKS tại Cơ quan THADS cùng cấp.

Trả lời: Theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Quy chế số phối hợp công tác số 01/QC-BTTUBTWMTTQVN-VKSNDTC ngày 27/8/2014 giữa Ban Thường trực UBTWMTTQVN với VKSND tối cao (Quy chế số 01) thì VKSND vừa có trách nhiệm phối hợp hoạt động với UBMTTQVN, vừa chịu sự giám sát của UBMTTQVN cùng cấp. Do đó, Quy định số 94 đã quy định trước khi tiến hành TTKS, VKSND có văn bản đề nghị UBMTTQVN cùng cấp cử thành viên tham gia giám sát hoạt động THADS và giám sát hoạt động của Đoàn TTKS, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động THADS và trong hoạt động TTKS. Tuy nhiên, việc UBMTTQVN cùng cấp có cử thành viên tham gia Đoàn TTKS hay không là tùy thuộc vào điều kiện thực tế công tác của UBMTTQVN tại thời điểm tiến hành TTKS; việc UBMTTQVN không cử thành viên tham gia hay thành viên tham gia Đoàn TTKS không đầy đủ không làm ảnh hưởng đến việc tổ chức triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác kiểm sát của VKSND và không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Đoàn TTKS cũng như chất lượng của cuộc TTKS.

Tại khoản 2 Điều 15 Quy chế số 01 đã quy định: “*Căn cứ Quy chế này, Ban Thường trực UBMTTQVN và VKSND cấp tỉnh, cấp huyện xây dựng quy chế phối*

hợp công tác cho phù hợp với điều kiện của từng địa phương”. Do vậy, mỗi cấp kiểm sát cần xây dựng Quy chế phối hợp với UBMTTQVN cùng cấp để làm cơ sở phối hợp công tác nói chung, khi TTKS tại Cơ quan THADS nói riêng.

5. Trường hợp VKSND cấp tỉnh tiến hành TTKS tại Cơ quan THADS cấp huyện, nếu đại diện của UBMTTQVN cấp tỉnh không tham gia được thì có được mời đại diện UBMTTQVN cấp huyện tham gia không?

Trả lời: Theo Quy định số 94, việc mời thành viên UBMTTQVN cùng cấp tham gia Đoàn TTKS để thực hiện giám sát hoạt động của Đoàn TTKS của VKSND cùng cấp. Do đó, việc mời đại diện UBMTTQVN cấp huyện tham gia Đoàn TTKS của VKSND cấp tỉnh là không phù hợp. Mặt khác, Đoàn TTKS VKSND cấp tỉnh có thể thực hiện TTKS tại nhiều Cơ quan THADS cấp huyện khác nhau, nên đại diện UBMTTQVN của một huyện không có chức năng giám sát hoạt động của các Cơ quan THADS cấp huyện khác.

6, Theo Điều 5 Quy định số 94 thì phải xây dựng và ra Quyết định, Kế hoạch TTKS nhưng chưa quy định thời hạn tối đa của một cuộc TTKS.

Trả lời: Hiện tại, Luật Tổ chức VKSND năm 2014 và Luật THADS năm 2014 không quy định cụ thể về thời gian tiến hành một cuộc TTKS tại Cơ quan THADS. Do đó, Quy định số 94 không quy định thời hạn tối đa cho một cuộc TTKS nhằm bảo đảm tính linh hoạt chủ động của VKS. Tùy theo nội dung của cuộc TTKS và tình hình thực tế của Cơ quan THADS được kiểm sát như: số vụ việc thụ lý, số vụ việc phức tạp, đơn thư khiếu nại, tố cáo, tính phức tạp của địa bàn... để xác định thời hạn tiến hành TTKS cho phù hợp.

7. Điều 8 Quy định số 94 chưa quy định thành phần tham gia công bố Quyết định, Kế hoạch TTKS có đại diện cơ quan chủ quản cấp trên của Cơ quan THADS được kiểm sát, nhưng tại điểm a khoản 4 Điều 32 Quy chế số 810 có quy định. Đề nghị hướng dẫn để thống nhất thực hiện.

Trả lời: Về nguyên tắc, những vấn đề đã chỉ rõ trong Quy chế số 810 thì Quy định số 94 sẽ không lặp lại. Do vậy, thành phần tham gia trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Quy chế số 810. Tuy nhiên, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 32 Quy chế số 810 là quy phạm có tính tùy nghi, thành phần cơ quan chủ quản cấp trên của Cơ quan THADS được kiểm sát không bắt buộc phải có mặt tại buổi công bố Quyết định và Kế hoạch TTKS; thông thường chỉ được áp dụng khi tiến hành TTKS tại Chi cục THADS cấp huyện, tùy theo tình hình thực tế, Trưởng Đoàn TTKS có thể trao đổi với lãnh đạo Cục THADS cấp tỉnh cử đại diện tham gia buổi công bố Quyết định và Kế hoạch TTKS.

8. Theo khoản 7 Điều 9 Quy định số 94 về nội dung gia hạn thời gian trực tiếp kiểm sát hoặc bổ sung nội dung trực tiếp kiểm sát trong trường hợp cần thiết. Theo quy định, khi gia hạn sẽ thực hiện theo biểu mẫu số 05 nhưng việc bổ sung nội dung trực tiếp kiểm sát hiện chưa có biểu mẫu.

Trả lời: Để chủ động và dự liệu được các tình huống xảy ra trong quá trình TTKS, khi xây dựng Kế hoạch TTKS, phần nội dung kiểm sát cần thể hiện những

nội dung mở, như: "... Ngoài các nội dung trên, trong quá trình kiểm sát, nếu thấy cần thiết Đoàn sẽ kiểm sát thêm một số nội dung khác...". Do vậy, không cần thiết phải bổ sung thêm biểu mẫu về việc "bổ sung nội dung TTKS"..

9. Hiện nay, cơ bản các Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên làm công tác kiểm sát THADS không có trình độ chuyên môn về nghiệp vụ kế toán; VKSND cấp trên cũng chưa có văn bản hướng dẫn chuyên ngành cụ thể có liên quan lĩnh vực này nên việc phân tích các tài khoản và số dư tài khoản trong hoạt động thu, chi tiền thi hành án gặp rất nhiều khó khăn trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu, sổ sách, chứng từ kế toán với tài liệu trong hồ sơ THADS và phát hiện vi phạm của Cơ quan THADS cùng cấp và cấp dưới theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 Quy định số 94.

Trả lời: Thực tế ngành KSND hiện không có nhiều Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên làm công tác kiểm sát THADS có trình độ chuyên môn sâu về nghiệp vụ kế toán. Kiểm sát thu, chi tiền thi hành án thực hiện theo điểm e khoản 2 Điều 9 Quy định số 94 là kỹ năng nghiên cứu hồ sơ thi hành án, sổ sách, chứng từ kế toán để phát hiện vi phạm. Khi kiểm sát nội dung này, cần tập trung xem xét trên hồ sơ, tài liệu thi hành án, sổ sách, chứng từ kế toán về số tiền thu, số tiền chi, số tiền gửi, số tiền tồn..., đối chiếu với các quy định hiện hành để tiến hành xác định những hồ sơ thi hành án đang tổ chức thi hành hay đã thi hành xong có vi phạm trong việc thu, chi tiền thi hành án hay không.

10. Thực tiễn việc thẩm định giá, quá trình đấu giá tài sản THA và việc lưu trữ hồ sơ thẩm định giá, đấu giá tại Cơ quan THADS không đầy đủ; đồng thời, pháp luật cũng không quy định, hướng dẫn cụ thể đối với việc lưu trữ hồ sơ thẩm định giá, đấu giá tại Cơ quan THADS. Do đó, khi có yêu cầu cung cấp hồ sơ thì Cơ quan THADS không cung cấp được kịp thời mà phải lệ thuộc cơ quan thẩm định giá, bán đấu giá tài sản, điều này cũng gây khó khăn khi thực hiện kiểm sát theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9.

Trả lời: Theo quy định Điều 45 và Điều 54 Luật Đấu giá tài sản năm 2016¹ thì kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá và nhiều văn bản khác phải được chuyển cho người có tài sản đấu giá (Cơ quan THADS) trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá. Cơ quan THADS phải thực hiện lưu trữ hồ sơ, tài liệu đấu giá tài sản THA cùng với Hồ sơ THADS theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 30 Thông tư 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của Bộ Tư pháp... Trường hợp Hồ sơ THADS không lưu trữ các hồ sơ, tài liệu đấu giá tài sản THA theo quy định là vi phạm của Chấp hành viên, Cơ quan THADS.

¹ Điều 45. Chuyển hồ sơ cuộc đấu giá:

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản phải ghi kết quả đấu giá tài sản vào Sổ đăng ký đấu giá tài sản và thông báo bằng văn bản cho người có tài sản đấu giá. Trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá tài sản thực hiện thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, Hội đồng thông báo kết quả đấu giá tài sản bằng văn bản cho người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá tài sản hoặc Hội đồng đấu giá tài sản chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho người có tài sản đấu giá để ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản, hoàn thiện các thủ tục liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với hồ sơ, tài liệu thẩm định giá, theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá²; Điều 9 Luật Lưu trữ³ thì các cơ quan, tổ chức thẩm định giá phải thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định. Viện kiểm sát thực hiện kiểm sát hồ sơ thẩm định giá căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật THADS, khoản 6 Điều 28 Luật Tổ chức VKSND, điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính để yêu cầu cơ quan, tổ chức thẩm định giá cung cấp hồ sơ, tài liệu thẩm định giá đối với tài sản thi hành án.

11. Tại khoản 3 Điều 9 Quy định số 94 quy định về việc lập phiếu kiểm sát hoặc biên bản về hoạt động kiểm sát tùy thuộc vào từng vấn đề liên quan. Thực tiễn việc kiểm tra với khối lượng hồ sơ lớn, nhiều dạng vi phạm phức tạp, việc quy định lập phiếu kiểm sát khi phát hiện vi phạm pháp luật theo từng hoạt động cụ thể, nhỏ lẻ gây khó khăn trong quá trình tổng hợp. Vậy khi trực tiếp kiểm sát tại Cơ quan THADS, phát hiện vi phạm trường hợp nào thì lập Phiếu kiểm sát, trường hợp nào lập Biên bản.

Trả lời: Quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy định số 94 xác định theo hướng mở, tùy theo tình hình thực tế của mỗi cuộc TTKS và từng vấn đề liên quan đến nội dung kiểm sát để thực hiện việc lập Phiếu kiểm sát hoặc Biên bản về hoạt động kiểm sát cho phù hợp. Phiếu kiểm sát thường được lập khi kiểm sát, ghi nhận vi phạm đối với từng nội dung sự việc như vi phạm trong việc ra các quyết định thi hành án, quá trình xác minh hay áp dụng các biện pháp cưỡng chế hoặc dùng để ghi nhận vi phạm được phát hiện khi kiểm sát từng hồ sơ vụ việc thi hành án cụ thể... Biên bản được lập sau khi kết thúc kiểm sát một nội dung công việc trong hoạt động THADS, như: kiểm sát về công tác quản lý thu, chi tiền thi hành án hoặc kiểm sát về việc mở, ghi chép hệ thống sổ sách thi hành án hoặc lập Biên bản ghi nhận việc giải trình, Biên bản về việc xác minh...

12. Tại điểm 8 Điều 9 Quy định số 94 quy định Trưởng đoàn TTKS hoặc Thư ký Đoàn phải ghi Sổ nhật ký Đoàn nhưng tại khoản 8 Điều 32 Quy chế số 810 quy định Trưởng đoàn phải ghi Sổ nhật ký Đoàn TTKS và chưa có mẫu Sổ nhật ký. Đề nghị ban hành mẫu, hướng dẫn để thực hiện thống nhất.

² Điều 7. Lưu trữ và khai thác hồ sơ thẩm định giá

...3. Hồ sơ thẩm định giá được khai thác, sử dụng trong các trường hợp sau:

... b) Khi có yêu cầu kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong hoạt động thẩm định giá; yêu cầu của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

³ Điều 9. Trách nhiệm lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan:

1. Người được giao giải quyết, theo dõi công việc của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm lập hồ sơ về công việc được giao và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan; trước khi nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác khác thì phải bàn giao đầy đủ hồ sơ, tài liệu cho người có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan.

Người đứng đầu đơn vị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lập hồ sơ, bảo quản và nộp lưu hồ sơ, tài liệu của đơn vị vào Lưu trữ cơ quan.

Trả lời: Việc ghi Sổ nhật ký Đoàn TTKS thực chất là ghi chép lại những nội dung làm việc hàng ngày của Đoàn trong thời gian tiến hành TTKS hay ghi nhận những việc quan trọng cần lưu ý trong quá trình TTKS. Nội dung ghi Sổ nhật ký đơn giản, không nhất thiết phải xây dựng Mẫu Sổ.

Theo quy định tại khoản 8 Điều 32 Quy chế số 810 thì Trưởng đoàn phải ghi Sổ nhật ký Đoàn TTKS, nhưng tại điểm 8 Điều 9 Quy định số 94 quy định Trưởng đoàn TTKS hoặc Thư ký Đoàn phải ghi Sổ nhật ký Đoàn là để linh hoạt trong quá trình thực hiện khi Trưởng đoàn vắng mặt. Tuy nhiên, trường hợp Thư ký Đoàn ghi Sổ nhật ký thì sau đó Trưởng đoàn phải kiểm tra lại và ký xác nhận việc ghi Sổ.

13. Theo quy định tại khoản 9 Điều 9 Quy định số 94 về xây dựng dự thảo Kết luận TTKS bao gồm các nội dung: Căn cứ pháp lý ban hành Kết luận TTKS (căn cứ theo Luật tổ chức VKSND, Luật THADS, ...) theo mẫu Kết luận TTKS (Mẫu số 06) nhưng qua đối chiếu mẫu hiện tại không có nội dung căn cứ Luật tổ chức VKSND và Luật THADS. Đề nghị bổ sung mẫu để thống nhất thực hiện.

Trả lời: Kết luận TTKS là văn bản áp dụng pháp luật của VKSND trong công tác kiểm sát THADS, nên phải ghi căn cứ pháp luật áp dụng để ban hành văn bản. Khoản 9 Điều 9 Quy định số 94 quy định về nội dung cơ bản của Kết luận TTKS phải có căn cứ pháp lý ban hành Kết luận TTKS là Luật Tổ chức VKSND, Luật THADS... theo Mẫu số 06 - Kết luận TTKS. Việc ban hành Mẫu số 06 hiện tại không ghi căn cứ pháp lý là thiếu sót. Vụ 11 tiếp thu, tổng hợp để thực hiện đề xuất sửa đổi, bổ sung cùng hệ thống biểu mẫu theo Quyết định số 204 của Ngành cho phù hợp quy định hiện hành và áp dụng thống nhất trong thời gian tới. Trước mắt, khi ban hành Kết luận TTKS, đề nghị các VKSND ghi căn cứ pháp lý như quy định tại khoản 9 Điều 9 Quy định số 94.

14. Tại khoản 2 Điều 11 Quy định số 94 quy định việc gửi Kết luận TTKS cho VKSND cùng cấp với Cơ quan THADS được trực tiếp kiểm sát để theo dõi, đôn đốc. Vậy, áp dụng hình thức nào để đôn đốc và có cần báo cáo kết quả thực hiện cho VKSND cấp trên hay không?

Trả lời: Trên cơ sở các nội dung trong Kết luận TTKS, Cơ quan THADS được kiểm sát sẽ phải có văn bản tiếp thu, giải trình gửi cho VKSND đã ban hành Kết luận TTKS và VKSND cùng cấp. Do vậy, VKSND cùng cấp với Cơ quan THADS được kiểm sát có căn cứ để đối chiếu, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện Kết luận TTKS của VKSND cấp trên. Việc báo cáo kết quả thực hiện cho VKSND cấp trên trong trường hợp có vướng mắc, hoặc khi VKSND cấp trên có yêu cầu.

15. Theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy định số 94, trong trường hợp VKSND cấp trên trực tiếp phối hợp cùng VKSND cấp dưới TTKS tại Cơ quan THADS cấp dưới thì VKSND cấp trên có được ủy quyền cho VKSND cấp dưới phức tra việc thực hiện kết luận của cuộc kiểm sát đó không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức VKSND về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của VKSND thì VKSND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của VKSND cấp trên. Do đó, VKSND cấp trên có quyền giao cho VKSND cấp dưới

phục tra việc thực hiện Kết luận TTKS, nhưng việc giao phải bằng văn bản, nêu rõ các nội dung thực hiện việc phục tra và yêu cầu báo cáo kết quả.

16. Tại khoản 5 Điều 11 quy định "*Quyết định phục tra và Kế hoạch phục tra do Lãnh đạo Viện ký*", mâu thuẫn với mẫu số 09/THADS ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2017 về biểu mẫu trong kiểm sát THADS thì thẩm quyền ký Kế hoạch phục tra là do Trưởng đoàn phục tra (có thể là Trưởng phòng ký khi phục tra đối với Cơ quan THADS cấp dưới) thừa lệnh Viện trưởng ký.

Trả lời: Quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy định số 94 về Quyết định phục tra do lãnh đạo Viện ký là phù hợp với Mẫu số 08/THADS ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2017. Do sơ suất, không có sự đối khớp với Mẫu số 09/THADS đã ban hành nên trong Quy định số 94 đã quy định Kế hoạch phục tra do lãnh đạo Viện ký. Do đó, để đảm bảo tính phù hợp, Viện kiểm sát các cấp thực hiện theo đúng Mẫu số 09/THADS.

17. Điều 12 Quy định số 94 về TTKS đột xuất: "*Việc kiểm sát thường được thực hiện ngay và trong thời gian ngắn*", đề nghị có quy định cụ thể về thời gian kiểm sát sau khi ban hành quyết định, kế hoạch TTKS đột xuất.

Trả lời: Quy định về TTKS đột xuất cần thực hiện ngay và trong thời gian ngắn là đúng, cần thiết nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn vi phạm xảy ra nếu có. Do đó, không thể quy định thời gian cụ thể việc thực hiện kiểm sát sau khi ban hành Quyết định, Kế hoạch TTKS đột xuất; tùy thuộc vào tình hình thực tế, tính chất dấu hiệu vi phạm pháp luật của từng vụ việc và yêu cầu, điều kiện cụ thể của cuộc TTKS đột xuất để triển khai thực hiện cho phù hợp.

18. Đề nghị quy định cụ thể tiêu chí xác định "vi phạm pháp luật nghiêm trọng", để ra Quyết định TTKS đột xuất theo quy định tại Điều 12 Quy định số 94 và trong hệ thống biểu mẫu ban hành theo Quyết định 204/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2017 của VKSND tối cao không có biểu mẫu Quyết định TTKS đột xuất, đề nghị bổ sung mẫu và hướng dẫn áp dụng?

Trả lời: Thực tế, việc phát hiện có dấu hiệu "*vi phạm pháp luật nghiêm trọng*" để ra Quyết định TTKS đột xuất thường được tiếp nhận từ các nguồn: qua kết quả công tác kiểm sát khác; qua đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; qua kiến nghị, yêu cầu, đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền; qua phương tiện thông tin truyền thông... Việc xây dựng thêm biểu mẫu Quyết định TTKS đột xuất là không cần thiết, vẫn thực hiện theo mẫu Quyết định TTKS theo kế hoạch (Mẫu số 02), nhưng phải thể hiện rõ nội dung được xác định là lý do việc TTKS đột xuất cho phù hợp.

19. Khoản 2 Điều 15 Quy định số 94 có nêu các trường hợp không thụ lý đơn đề kiểm sát. Tuy nhiên, trong thực tế có trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo có nội dung không cụ thể, không rõ ràng, đơn trình bày nhiều nội dung lan man không có trọng tâm hoặc người khiếu nại, tố cáo không gửi các tài liệu kèm theo để làm căn cứ xác định thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo nhưng trong Quy trình không có nội dung nào hướng dẫn xử lý các trường hợp này.

Trả lời: Trên thực tế nếu đơn đã không rõ, không có nội dung thì ngay từ khi phân loại đơn đã phải thực hiện việc "trả đơn" và hướng dẫn cho đương sự viết lại, yêu cầu bổ sung các tài liệu cho phù hợp. Do vậy, công chức được phân công xử lý đơn thực hiện theo Quy chế số 51/QĐ-VKSTC ngày 02/02/2016 của VKSND tối cao.

20. Khoản 3 Điều 15 Quy định 94 quy định: "*nội dung công văn chuyển đơn cho VKSND cấp dưới phải ghi rõ thời hạn báo cáo kết quả cho VKSND cấp trên*". Vậy căn cứ nào quy định thời hạn báo cáo để thực hiện thống nhất trong toàn Ngành.

Trả lời: Thời hạn báo cáo kết quả kiểm sát cho VKSND cấp trên tùy thuộc vào tính chất vụ việc, tính chất công việc của VKSND địa phương tại từng thời điểm, nhưng có thể xem xét vận dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Quy chế số 810⁴, thời hạn báo cáo thường được ấn định không quá 01 tháng, kể từ ngày nhận được văn bản chuyển đơn và đơn khiếu nại, tố cáo.

21. VKSND cấp tỉnh khi nhận đơn khiếu nại, tố cáo Chấp hành viên hoặc Thủ trưởng Cơ quan THADS của cấp huyện nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc xét thấy cần thiết thì phải thực hiện theo khoản 3 hay khoản 4 Điều 15 Quy định số 94.

Trả lời: Quy định tại khoản 3, 4 Điều 15 Quy định số 94 là quy định mở.

Đối với Đơn khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định trái pháp luật của Chấp hành viên Cơ quan THADS cấp huyện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan THADS cấp huyện (Chi Cục trưởng Chi cục THADS) và thuộc thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết đơn của VKSND cấp huyện. Khi VKSND cấp tỉnh xử lý đơn thì thực hiện theo khoản 3 Điều 15 Quy định số 94; nếu đánh giá là có dấu hiệu nghiêm trọng và thấy cần thiết thì thực hiện theo khoản 4 Điều 15 (sự cần thiết như: VKSND cấp huyện không thực hiện kiểm sát theo thẩm quyền hoặc đã kiểm sát nhưng có sai sót, không đầy đủ...).

Đối với Đơn khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định về thi hành án; khiếu nại quyết định giải quyết khiếu nại của Cơ quan THADS cấp huyện thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ trưởng Cơ quan THADS cấp tỉnh (Cục trưởng Cục THADS) và thuộc thẩm quyền kiểm sát việc giải quyết đơn của VKSND cấp tỉnh thì việc xử lý đơn thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Quy định số 94.

22. Điểm b khoản 4 Điều 15 Quy định số 94 có hướng dẫn "*văn bản chuyển đơn và yêu cầu tự kiểm tra*" thực hiện theo Mẫu số 28/THADS và điểm c khoản 4 Điều 15 hướng dẫn "*văn bản yêu cầu Cơ quan THADS cung cấp hồ sơ, tài liệu*

⁴ Điều 26. Kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án

...3. Trong thời hạn không quá 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ thi hành án và hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo; Viện kiểm sát phân công người nghiên cứu, ban hành kết luận kiểm sát hồ sơ gửi cho Cơ quan THADS. Kết luận phải nêu rõ việc thi hành án bị khiếu nại, tố cáo có vi phạm pháp Luật hay không; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có đúng quy định của pháp Luật; việc khiếu nại, tố cáo của đương sự có đúng pháp Luật và có cơ sở hay không; yêu cầu cơ quan, người bị khiếu nại, tố cáo rút kinh nghiệm đối với các vi phạm hoặc đề nghị xử lý kỷ Luật người vi phạm; chuyển hồ sơ cho Cơ quan Điều tra VKSND tối cao để xem xét trách nhiệm hình sự với người vi phạm (nếu có).

để kiểm sát” thực hiện theo Mẫu số 29/THADS. Nhưng Hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 204/QĐ-VKSTC thì Mẫu số 28/THADS là mẫu về Kiến nghị và Mẫu số 29/THADS là mẫu về Quyết định Kháng nghị.

Trả lời: Đây là lỗi do sơ xuất trong quá trình soạn thảo văn bản không được phát hiện kịp thời. Trong hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 204/QĐ-VKSTC thì Mẫu số 28/THADS là mẫu về Kiến nghị và Mẫu số 29/THADS là mẫu về Quyết định Kháng nghị. Đối với “*văn bản chuyển đơn và yêu cầu tự kiểm tra*” thực hiện theo Mẫu số 18/THADS và “*văn bản yêu cầu Cơ quan THADS cung cấp hồ sơ, tài liệu để kiểm sát*” thực hiện theo Mẫu số 19/THADS.

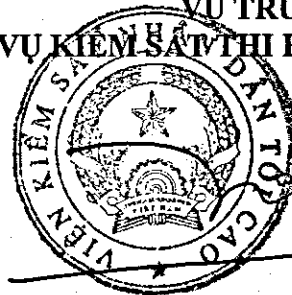
Trên đây là nội dung giải đáp, hướng dẫn về những khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm sát thi hành án dân sự, hành chính để Viện kiểm sát các cấp nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên (để t/hiện);
- Đ/c Lê Minh Trí, Viện trưởng VKSTC
- Đ/c Nguyễn Duy Giảng, PVT VKSTC } (để b/cáo);
- Vụ 14, Văn phòng, T1, T2, T3 (để biết);
- Lưu: VT, V11.

MM

TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Kim Sáu